

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2021/HS-ST
Ngày 27-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Diễm.

2. Bà Nguyễn Thị Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh ngày 24/6/1983 tại huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1952 và bà: Lương Thị T, sinh năm 1953; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2021

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Thái Bình.

2. Nguyễn Thị L1, sinh ngày 09/7/1996 tại huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi ĐKKHKT: Số nhà X, đường Đ, khu N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Số nhà M, ngõ N, đường L, tổ Y, phường B, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông: Nguyễn Hữu L (đã chết) và bà: Phú Thị T,

sinh năm 1966; chồng: Bùi Quý T, sinh năm 1993; con: Có 01 con, sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Địa Linh, xã M, huyện P, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Thái Bình.

+ Chị Trần Thị N, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Nam Hiệp Trung, xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố số 7, thị trấn Quỳnh Côi, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- *Người làm chứng:*

Anh Trương Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Quỳnh Côi, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 00 giờ 10 phút ngày 16/4/2021, tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thái Bình phối hợp với Công an xã M!, huyện P, tỉnh Thái Bình, kiểm tra hành C cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke S của bà Nguyễn Thị H, ở thôn HH, xã M1, huyện P, tỉnh Thái Bình, phát hiện tại phòng hát KTV202, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thế V, Nguyễn Văn K và Trần Thị N có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Kiểm tra phòng hát, tổ công tác phát hiện tại mặt bàn nước 01 đĩa sứ vuông màu trắng, trên mặt đĩa có các hạt tinh thể màu trắng, 01 ống hút cuộn bằng tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng được cố định bằng hai vỏ đầu thuốc lá màu vàng; 01 bật lửa gas màu đỏ; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên NGUYEN THI L1. Nguyễn Văn L khai các hạt tinh thể màu trắng trên đĩa là ma túy, loại Ketamine, L mua cho mọi người sử dụng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản sự việc, quản lý, niêm phong các vật chứng.

Quá trình điều tra xác định: Do quan hệ quen biết nên tối ngày 15/4/2021, Nguyễn Văn L mời Nguyễn Thế V đến chỗ ở của L tại Thôn B, xã T, huyện P ăn tối. Ăn xong, L rủ V đi hát karaoke. V đồng ý. L sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, số thuê bao 0983.765.040 gọi bạn là Nguyễn Thị L1 lúc này

đang ở nhà trọ tại thành phố TB, tỉnh Thái Bình đến quán karaoke Sở thôn HH, xã M1, huyện P, tỉnh Thái Bình hát. L và V đi bộ ra đường đón taxi. Trên đường đi L tiếp tục gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn K đi hát. Lúc này, K đang uống rượu ở thị trấn Quỳnh Côi, huyện P nên L nhờ K đến quán Sđặt hộ phòng hát. K đồng ý. K gọi điện thoại rủ Trần Thị N lúc này đang ở nhà người thân ở tại huyện Hưng Hà đến hát. N đồng ý. Đến quán chưa thấy K nên L, V ở phòng lễ tân chờ. Khoảng 15 phút sau, K đi bộ đến, cả ba ngồi uống nước. Sau đó, K đứng dậy thuê phòng, theo chỉ dẫn của anh Trương Văn T là quản lý quán hát, K và V lên phòng KTV202 mở máy hát trước. L ngồi dưới đợi L1. Lúc sau, L1 tới, L dẫn L1 lên phòng. Cả nhóm ngồi uống bia thì N tới. Hát đến 21 giờ 10 phút, L nảy sinh ý định mua ma túy về cho mọi người cùng sử dụng nên đã ra ngoài dùng điện thoại của mình gọi đến số thuê bao 0966.862.188 của một người lưu trong danh bạ là “C số gọi” để hỏi mua ma túy nhưng không có kết nối. Ngay sau đó, L nhận được cuộc gọi từ số thuê bao 0325.775.589 xưng tên là “C”. L đặt mua 02 viên ma túy tổng hợp và nửa chỉ Ketamine. C báo giá 350.000 đồng/1viên ma túy tổng hợp và 1.600.000 đồng nửa chỉ Ketamine. L đồng ý, hẹn “C” mang ma túy đến quán H Sơn. Vào phòng hát đến khoảng 22 giờ 30 phút, L nhận được cuộc gọi từ số thuê bao 0325.775.589 báo nhận hàng. L xuống cửa quán hát gọi lại cho số thuê bao trên rồi đi ra khu vực ngã ba cách lối rẽ vào quán hát khoảng 40 mét thấy có 01 xe ô tô loại 05 chỗ màu đen (không rõ biển số) dừng ở gần đó. L tiến gần lại chiếc xe ô tô cửa kính bên phụ hạ xuống. L cầm số tiền 2.300.000 đồng đưa cho một nam giới ngồi trong xe. Nhận tiền, người nam giới trong xe đưa cho L 01 túi nilon, kích thước (02x03) cm, bên trong có 02 viên ma túy tổng hợp và một túi nilon đựng Ketamine. L cầm số ma túy mua được trở lại phòng hát để trên mặt bàn, mở túi nilon lấy 02 viên ma túy tổng hợp cho vào cốc thủy tinh, rót nước Cocacola vào, dùng tay lắc cho tan hết thuốc. L uống một ít rồi để trên mặt bàn. Sau đó N, V, K lần lượt tự lấy uống. Thấy L1 đi vệ sinh vào, L cầm cốc Coca pha ma túy đưa cho L1 uống hết rồi đặt cốc xuống bàn. Cả nhóm tiếp tục hát, nghe nhạc được khoảng 20 phút thì L bảo L1 “xào ke”. L1 lấy 01 tờ tiền Polymer mệnh giá 10.000 đồng của mình cuộn tròn thành ống, dùng hai vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng làm đai cố định để tạo ống hút ma túy. L cầm chiếc đĩa sứ vuông màu trắng dùng để khăn giấy trên mặt bàn đưa cho L1. L1 cầm chiếc đĩa và bật lửa gas đi ra nhà vệ sinh, dùng giấy đốt cho nóng chiếc đĩa rồi quay vào phòng để trên bàn. L lấy túi nilon Ketamine đổ hết vào đĩa. L1 dùng thẻ ATM của mình dằm mịn Ketamine trên đĩa, kẻ 2 “đường ke”, đưa cho L dùng trước. L dùng ống hút do L1 cuộn hít qua đường mũi hít hết 2 “đường ke”. L1 tiếp tục dùng thẻ ATM kẻ ma túy trên đĩa thành các “đường ke”, tự hút 2 “đường ke” rồi để đĩa xuống bàn. L bê đĩa Ketamine mời N sử dụng, N dùng ống hút hết một “đường ke”. L1 bê đĩa ma túy sang mời V. V hút xong, L1 đặt đĩa ma túy xuống bàn. Thấy ở đĩa vẫn còn ma túy K tự dùng thẻ ATM kẻ lấy một “đường ke” hút. Tất cả tiếp tục hát, nghe nhạc đến 00 giờ 10 phút ngày 16/4/2021, thì tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình vào kiểm tra hành C

đồng thời lập biên bản sự việc, quản lý, niêm phong các vật chứng, sau đó yêu cầu L, L1, V, K và N về Trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình để làm việc. Ngoài ra, còn quản lý của Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, sim thuê bao số 0983.765.040, số tiền 4.900.000 đồng và quản lý của Nguyễn Thị L1 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu đen.

Bản kết luận giám định số 122/KLGĐMT-PC09 ngày 19/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

“Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối L 0,0148 gam (Không thấy không nghìn một trăm bốn mươi tám gam). Ketamine STT: 35, Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của C Phủ”.

Khám xét nơi ở của Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 không phát hiện thu giữ gì.

Trung cầu giám định ma túy trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Thế V, Trần Thị N, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn K, được ký hiệu từ M1 đến M5. Bản kết luận giám định số 123/KLGĐMT-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận *“Các mẫu nước tiểu M1, M2, M3, M4, M5 gửi giám định đều chứa sản phẩm chuyển hóa của ma túy, loại Ketamine, MDMA. Ketamine STT: 35, Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của C Phủ”. MDMA STT: 27, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của C Phủ”.*

Các phiếu trả lời kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Thái Bình đối với Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thế V, Nguyễn Văn K và Trần Thị N, kết quả: Lâm sàng: Không đáp ứng tiêu chuẩn nghiện ma túy. Xét nghiệm ma túy trong nước tiểu: Dương tính. Tên loại ma túy sử dụng: Methamphetamine và MDMA.

Bản Cáo trạng số 79/CT-VKSQP ngày 10/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 về tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 phạm tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 07 năm 09 tháng tù đến 08 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L1 từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù,

thời hạn tù đối với các bị cáo tính từ ngày bắt tạm giam 19/4/2021, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo nói lời sau cùng đều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn L thừa nhận đã mua 02 viên ma túy tổng hợp và 01 túi Ketamine với tổng số tiền 2.300.000 đồng, trực tiếp pha ma túy tổng hợp để cho 04 người khác (gồm L1, V, K, N) không nghiện ma túy cùng sử dụng; đồng thời L còn chủ động bảo L1 “xào Ke” cho cả nhóm sử dụng chung. Bị cáo Nguyễn Thị L1 đã tự chế ra công cụ (ống hút) để sử dụng Ketamine, hơ nóng đĩa, dầm mịn ma túy và kẻ thành “đường ke” để L, L1 và những người khác không nghiện ma túy cùng sử dụng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và được chứng minh bằng biên bản sự việc, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập cùng ngày 16/4/2021, bản kết luận giám định, phiếu trả lời kết quả tình trạng nghiện, cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/4/2021 đến 00 giờ 10 phút ngày 16/4/2021, tại phòng KTV202, quán Karaoke S của bà Nguyễn Thị H, tại thôn HH, xã M1, huyện P, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 đã có hành vi cung cấp chất ma túy, chuẩn bị công cụ và các điều kiện khác để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể những người không nghiện ma túy gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thế V, Nguyễn Văn K và Trần Thị N. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 đã phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”,

tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Điều 255 Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm;

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái nòi giống và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vì lối sống ăn chơi, đua đòi các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến C sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, tạo dư luận không tốt trên địa bàn xảy ra vụ án. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về tính chất vụ án và phân tích vai trò của từng bị cáo thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó xác định: Bị cáo Nguyễn Văn L là người khởi xướng, cung cấp ma túy, trực tiếp pha ma túy tổng hợp để mọi người sử dụng trái phép. Nguyễn Thị L1 là đồng phạm, trực tiếp chuẩn bị công cụ và “xào ke”, tạo điều kiện cần thiết khác để sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, trong vụ án này bị cáo L giữ vai trò cao hơn bị cáo L1.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo thấy: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, trước khi xảy ra vụ việc, L và L1 đều chưa từng vi phạm pháp luật.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định

như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm về ma túy nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, phạm tội không có mục đích thu lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và hình phạt bổ sung khác đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 đĩa sứ hình vuông màu trắng và 01 bật lửa gas mà cơ quan điều tra đã thu giữ, đây là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị H, các tài sản này có giá trị không đáng kể, bà H không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Số tiền 4.900.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen thu giữ của Nguyễn Thị L1. Đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo có nhu cầu xin lại nên trả lại cho các bị cáo là đúng pháp luật. Chiếc thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị L1 là công cụ phục vụ sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, đây là phương tiện để quản lý tài khoản của ngân hàng với khách hàng. Bị cáo L1 có yêu cầu nhận lại, nên cần trả lại cho bị cáo.

01 tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L1 là tài sản dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen thu giữ của Nguyễn Văn L là phương tiện mà L dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước.

01 xác sim điện thoại thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L là phương tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy. Số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì ghi số 122/KLGD là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo Nguyễn Văn L khai mua của một người có tên là C nhưng chưa từng gặp, không biết đặc điểm, không biết rõ địa chỉ, cũng không biết rõ biển số xe. Số sim 0966962188 được xác định người đứng tên đăng ký thuê bao là anh Nguyễn Công C sinh năm 1990, cư trú tại thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Còn số sim 0325775598 gọi cho L để trao đổi mua bán ma túy có tên đăng ký thuê bao là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963, cư trú tại thôn H, xã V, huyện B, Thành phố Hải Phòng. Quá trình điều tra, anh T1 khai không có quan hệ gì với C và L, không sử dụng số thuê bao trên. Kết quả xác minh, C không có mặt tại địa phương. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau.

[10] Đối với bà Nguyễn Thị H là chủ quán karaoke S và anh Trương Văn T là người được giao quyền quản lý quán karaoke nhưng bà H, anh T đều không biết các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà H, anh T là có căn cứ. Về hành vi kinh doanh hoạt động karaoke quá giờ cho phép, Công an tỉnh Thái Bình đã xử phạt hành C đối với bà Nguyễn Thị H là đúng pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Thế V, anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị N là những người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành C là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L1 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù

Thời hạn tù đối với các bị cáo tính từ ngày bắt tạm giam 19/4/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen thu giữ của Nguyễn Văn L; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L1.

3.2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 4.900.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*), bị cáo Nguyễn Thị L1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị L1.

3.3. Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ vuông màu trắng và 01 bật lửa gas màu đỏ thu giữ của bà Nguyễn Thị H; 01 xác sim điện thoại thu của bị cáo Nguyễn Văn L và toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định ghi số 122/KLGĐMT.

(Các vật chứng đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện P quản lý, có đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình ngày 10/8/2021).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị L1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, xã M, h. Quỳnh Phụ;
- UBND thị trấn G, h. G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)